

Bản án số: **14/2024/HS-ST**
Ngày 02/7/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhâm và ông Lương Quang Toán.

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thụy - Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **07/2024/TLST-HS** ngày 06 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **13/2024/QĐXXST-HS** ngày 19 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Lô Văn K**, sinh ngày: **30/10/2003**, tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lô Văn Đ, sinh năm: 1979; con bà: Dương Thị M, sinh năm: 1979; vợ, con: chưa có.

Tiền án: Ngày 11/5/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/10/2020 bị Công an huyện N, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 27/11/2020 bị Công an xã Y, huyện N, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 27/5/2021 bị Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi đánh nhau.

Ngày 01/3/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Na Hang, xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/3/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 2002.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Vương Ngọc Á, sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 08/9/2023 Lô Văn K cùng Nguyễn Trung H, sinh năm: 2000, cư trú tại thôn B, xã T, huyện N, đến quán K1 tại thôn N, xã Y, huyện N chơi game. Chơi game đến khoảng 04 giờ ngày 09/9/2023 K đi vệ sinh nhìn thấy chìa khóa xe mô tô để tại bàn máy chủ của quán game, khi đi vệ sinh xong bị cáo đã lấy chìa khóa xe mô tô, chiếc xe mô tô SH150i của anh Nguyễn Ngọc L để ở quán không có người trông coi. K, H chơi game đến khoảng 05 giờ cùng ngày thì đi ra ngoài, lúc đó cửa của quán đã kéo xuống, K kéo cửa lên cùng H đi ra ngoài đường. Một lúc sau K đi vào mở khóa xe rồi dắt chiếc xe SH150i, biển kiểm soát 22 N1- 09315 rồi nổ máy kèm theo H đi về huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo khai H đã liên lạc qua mạng Facebook để tìm người mua xe mô tô trộm cắp được và hẹn người mua sẽ giao dịch mua bán tại huyện Q. Khoảng 12 giờ ngày 10/9/2023 tại Công viên L, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, K bán xe mô tô cho người đàn ông giới thiệu là người ở Thành phố Hà Nội với giá 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng), số tiền bán xe trên K và H đã chi tiêu cá nhân hết. Cuối tháng 10/2023 qua môi giới K và H xuất cảnh trái phép sang nước Myanmar để lao động nhưng K đã bị cảnh sát Myanmar phát hiện bắt giữ và trục xuất về Việt Nam.

Tại kết luận định giá tài sản số: 24/KLĐG-HĐĐGTSTTHS, ngày 05/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, màu sơn đen, bạc, biển số 22 N1 - 09315 đã qua sử dụng có giá trị là 109.237.200đ (một trăm linh chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai và thừa nhận về hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo.

Cáo trạng số: 11/CT-VKSNH ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo Lô Văn K về tội “Trộm cắp tài

sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

Tuyên bố bị cáo: Lô Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 (bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn) Điều 51 của BLHS; Điều 38 của BLHS.

Xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 05/3/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của BLHS, các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 109.000.000đ (một trăm linh chín triệu đồng).

Ngoài ra đề nghị quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại.

Bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 05 giờ 02 phút ngày 09/9/2023 tại thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, Lô Văn K có hành vi trộm xe mô tô Honda SH150i, biển kiểm soát 22 N1 - 09315 của anh Nguyễn Ngọc L có giá trị 109.237.200đ, mục đích trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản bị cáo xâm phạm có giá trị trên 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo mới chấp hành xong án phạt tù của Bản án trước được một thời gian ngắn, bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần bị các cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính, đáng nhẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để răn đe, cảnh tỉnh mình, tuy nhiên bị cáo vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật, thể hiện việc bất chấp, coi thường pháp luật. Từ những nhận định trên HĐXX thấy rằng cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội trong khi chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm đây là tình tiết được quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, do đó HĐXX xét thấy cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này; Kiểm sát viên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của BLHS vì bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, tình tiết này có thể xem xét làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Tuy nhiên không phải bất cứ bị cáo nào là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn cũng được cho hưởng tình tiết này, mà còn phải căn cứ vào trình độ văn hóa, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế hay không để quyết định cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này. Trong khi đó bị cáo có trình độ học vấn 9/12, quá trình xét hỏi thấy rằng bị cáo có nhận thức pháp luật đầy đủ, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm tội; do đó HĐXX không chấp nhận cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu đã bị Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền kết án, xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo của xã Y, do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong đơn xin xét xử vắng mặt của bị hại thể hiện.

[4.1] Về yêu cầu bồi thường: Bị hại đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 109.000.000đ (một trăm linh chín triệu đồng), HĐXX xét thấy đây là quyền quyết định tự định đoạt của bị hại, phù hợp với các quy định của pháp luật; do đó chấp nhận yêu cầu của bị hại buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

[4.2] Về hình phạt: Bị hại đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Về vấn đề khác:

[5.1] Đối với việc bị cáo phạm tội có đồng phạm hay không: Trong quá trình lấy lời khai tại Cơ quan điều tra bị cáo khai có bàn bạc cùng Nguyễn Trung H trộm cắp tài sản cũng như việc H đã liên hệ người mua xe trộm cắp. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm H nhưng chưa có kết quả, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự, do đó HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5.2] Đối với hành vi mua xe mô tô mà K đã trộm cắp của người đàn ông tại huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, Cơ quan điều tra chưa có cơ sở điều tra, làm rõ, do đó HĐXX không xem xét xử lý trong vụ án này.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Tại phiên tòa HĐXX đã giải thích cho bị cáo thuộc trường hợp được xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch, bị cáo đã làm đơn xin miễn toàn bộ án phí. Tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Lô Văn K** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo: 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị tạm giam (05/3/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc L số tiền 109.000.000đ (một trăm linh chín triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được

quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bản án, Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí HSST và án phí Dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/7/2024), bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- CQĐT Công an huyện Na Hang;
- CQTHAHS tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang;
- UBND xã Yên Hoa.
- Bị cáo; Bị hại.
- Lưu HSVA + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trường Giang